

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC T
TỈNH AN GIANG**

Số: 178/2026/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

A, ngày 25 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 281/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Sơn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ C, ấp R, phường T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Danh Thị N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ F, ấp N - D (cũ), phường T, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Sơn T với bà Danh Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Hoàng B, giới tính nam, sinh ngày 10/8/2013, Phạm Khánh N1, giới tính nữ, 26/11/2022, hiện nay cháu B con chung đang sống cùng bà N, cháu N1 đang sống cùng ông T. Ly hôn ông bà thống nhất và theo nguyện vọng của cháu B, giao con chung tên Phạm Hoàng B cho bà Danh Thị N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, giao con chung tên Phạm Khánh N1 cho ông Phạm Sơn T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của ông bà không yêu cầu cấp dưỡng chi phí nuôi con chung qua lại cho nhau.

Ông T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Bà N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Phạm Sơn T tự nguyện chịu hoàn toàn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002151 ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, nay ông T được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát ND KVT 8, tỉnh An Giang;
- UBND phường C, tỉnh An Giang.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Thị Diễm